

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI
Bản án số:03/2025/HS-ST
Ngày 28 /07/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyên.

Hội thẩm nhân dân:

[1]. Ông Phạm Thành Đô. Nghề nghiệp: Giáo viên

[2]. Bà Lê Thị Thận. Nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai: Ông Dương Thê Nam -
Chức danh: Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 và 28 tháng 07 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/TLST-HS, ngày 20 tháng 06 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS, ngày 14 tháng 07 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tống Ph Q, tên gọi khác: Không, giới tính: Nam, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2008, tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số CCCD: 070208008992, cấp ngày: 27/5/2023, nơi cấp Cục Cảnh sát.

Nơi thường trú: Thôn 4, xã Th H, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

Nơi ở hiện tại: Thôn H, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Lao động tự do, Trình độ học vấn: 07/12.

Họ và tên cha: Tống Ph, sinh năm:1982 (đã chết). Họ và tên mẹ: Lê Thị L, sinh năm: 1984. Bị cáo có 01 người em ruột.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/02/2025 cho đến nay.
(có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Người bị hại:

Bị hại: Ông Phạm V Ph; sinh năm: 1957 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: thôn Tng, xã B, tỉnh Đồng Nai.

Người bào chữa cho bị cáo:

bà Trương Thị B H. (có mặt).

Trợ giúp viên pháp lý – Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1/Về hành vi phạm tội của bị cáo : Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 03/12/2024, Tổng Ph Q nhìn thấy nhà ông Phạm Văn Phần và bà Nguyễn Thị Sinh, địa chỉ: thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ), không có người trông coi, nên Quyền leo qua hàng rào lưới B40, đi bộ đến cửa sau nhà, lấy 01 cục đá đập vỡ cửa kính, rồi dùng một đoạn dây kẽm mở khoá chốt cửa để đi vào nhà. Khi vào bên trong nhà, Quyền lấy được số tiền 18.000.000 đồng được cất giữ trong 02 túi quần treo trong tủ quần áo, bỏ vào trong túi quần rồi Quyền đi về nhà tại thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông Phần và bà Sinh phát hiện bị mất tài sản, nên trình báo Công an xã Minh Hưng về việc mất trộm tiền. Đến 18 giờ 05 phút ngày 04/12/2024, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Quyền đã đến Công an xã Minh Hưng đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giao nộp 18.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 18 ngày 21/4/2025 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng (cũ), kết luận tại thời điểm ngày 03/12/2024: Giá trị thay thế phục hồi 01 tấm kính cửa loại thường, kích thước: 0,2m x 0,26m, độ dày 4mm là 95.000 đồng.

2/ Các vấn đề khác của vụ án:

Về vật chứng vụ án, 01 cục đá, 01 đoạn dây kẽm không thu hồi được nên không xem xét.

Cơ quan điều tra đã xử lý: Trả 18.000.000 đồng cho vợ chồng ông Phạm Văn Phần.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì.

Tại Bản cáo trạng số: 72/CT-VKS ngày 19/06/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai truy tố bị cáo Tổng Ph Q về tội "Tội trộm cắp sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối với bị cáo như sau:

Về tội danh và hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Tổng Ph Q phạm tội "Tội trộm cắp sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 90, 91, 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tổng Ph Q từ 6 đến 7 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: 01 cục đá, 01 đoạn dây kẽm không thu hồi được; đối với số tiền 18.000.000 đồng đã trả cho vợ chồng ông Phạm Văn Phần.

Ý kiến về Quyết định truy tố: Bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1/ Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước(cũ), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến đề nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2/ Xác định tội danh: Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 03/12/2024, Tổng Ph Q lén lút vào nhà ông Phạm Văn Phần, bà Nguyễn Thị Sinh tại thôn 1, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ) lấy được số tiền 18.000.000đ mà ông Phần để trong 02 túi quần treo trong tủ quần áo, sau khi lấy được Quyền mang về nhà cất giấu.

Lời khai của bị cáo và bị hại hoàn toàn phù hợp với nhau nên có đủ cơ sở xác định: bị cáo Tổng Ph Q có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản số tiền 18.000.000đ của ông Phạm Văn Phần, bị cáo hiện với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Hậu quả bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại số tiền 18.000.000đ mặc dù sau đó đã được thu hồi và trả lại cho bị hại.

Vì vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Tổng Ph Q đã phạm vào tội "Tội trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3/ Các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Ngoài ra thời điểm phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức còn hạn chế.

Sau khi xem xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý nghiêm, phù hợp hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

4/Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét, Đối với 01 tấm kính cửa loại thường, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

5/Về vật chứng: 01 cục đá, 01 đoạn dây kẽm không thu hồi được nên không xem xét.

6/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa ý kiến của Người bào chữa cho bị cáo cho rằng : Bị cáo là người chưa thành niên, nhận thức còn hạn chế, bị cáo có đủ các điều kiện để được hưởng án treo, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng án treo đối với bị cáo.

Nhận định của người bào chữa là phù hợp pháp luật, cần ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Tổng Ph Q phạm tội "Tội trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 65, 90, 91 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tổng Ph Q 6 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án (28/7/2025), giao bị cáo về UBND xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2/Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản , không yêu cầu gì nên không xem xét , Đối với 01tấm kính cửa loại thường, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

3/Về vật chứng: 01 cục đá, 01 đoạn dây kẽm không thu hồi được nên không xem xét.

4/Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH, ngày 30/12/2016 Quy định về Án phí, Lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Tổng Ph Q nộp 200.000đ án phí HSST.

5/Quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa và Người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- Sở tư pháp Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND Khu vực - 12 Đồng Nai;
- Phòng THA DS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

